

Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị H1, ông Nguyễn Vĩnh T có nghĩa vụ trả cho bà L số nợ hui như sau:

1. Dây hui 2.000.000đ/phần/tháng, khai ngày 19/10/2021 (AL), có 21 phần, mãn ngày 19/5/2023 (AL, nhuận 2 tháng 2); bà L tham gia 2 phần và đã góp đến ngày 19/4/2023 (AL) là 20 tháng; thành tiền: 2.000.000đ/phần x 2 phần x 20 phần = 80.000.000 đồng, nhưng ở đây này bà L chỉ yêu cầu trả vốn đã góp hui là 60.000.000 đồng.

2. Dây hui 3.000.000đ/phần/tháng, khai ngày 15/8/2022 (AL), có 22 phần, mãn ngày 15/4/2024 (AL, nhuận 2 tháng 2); bà L tham gia 1 phần và đã góp đến ngày 15/3/2023 (AL) được 9 tháng; thành tiền: 3.000.000đ/phần/tháng x 1 phần x 9 tháng = 27.000.000 đồng, nhưng ở đây này bà L chỉ yêu cầu trả vốn đã góp hui là 20.000.000 đồng.

Ngoài 2 dây hui mà bà L tham gia như đã nêu ở trên, bà L còn mua lại bà Lê Thị H1 01 phần của các dây hui sau:

- Dây hui 2.000.000đ/phần/tháng, khai ngày 19/10/2021 (AL); giá trị (vốn, không tính lãi) 30.000.000 đồng.

- Dây hui 3.000.000đ/phần/tháng, khai ngày 15/8/2022 (AL); giá trị (vốn, không tính lãi) 50.600.000 đồng.

Tổng cộng số tiền của 02 phần hui bà L mua lại và 2 dây hui mà vợ chồng bà Lê Thị H1, ông Nguyễn Vĩnh T nợ bà L là 160.600.000 đồng.

Bởi vậy, nay bà L yêu cầu Tòa án Nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xem xét, buộc bà Lê Thị H1 và ông Nguyễn Vĩnh T cùng có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nợ hui là 160.600.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu sáu trăm ngàn đồng). Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, không trình bày hay yêu cầu gì thêm khác.

* Bị đơn bà Lê Thị H1 và ông Nguyễn Vĩnh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công bố, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Kim L.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Kim L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị H1 và ông Nguyễn Vĩnh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp Hợp đồng góp hui”.

[3] *Về nội dung*: Bà L yêu cầu bà Lê Thị H1 và ông Nguyễn Vĩnh T cùng có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ hui là 160.600.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu sáu trăm ngàn đồng). Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo hồ sơ thể hiện, bà L cung cấp cho Tòa án Biên bản hòa giải ngày 08/11/2023 (có danh sách tiền nợ kèm theo); 11 giấy tờ ghi hui. Đồng thời, bà L có yêu cầu Tòa án ghi lời khai người làm chứng là những người có tham gia cùng bà L chơi hui do bà H1, ông T làm đầu thảo gồm Trần Thị T2, Lê Anh Đ, Phan Thị Lệ H2, Vương Thị T3, Phan Thị L1. Tại Biên bản hòa giải ngày 08/11/2023 (có danh sách tiền nợ kèm theo), ông T thống nhất là bà H1 có nợ hui nhưng không rõ số tiền là bao nhiêu, đồng ý bán đất để trả nợ.

Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự: nếu ông T và bà H1 cho rằng số tiền nợ không đúng như bà L trình bày thì ông T và bà H1 phải có nghĩa vụ chứng minh nhưng ông T và bà H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không trình bày ý kiến, không cung cấp chứng cứ về số tiền nợ nên ông T và bà H1 phải chịu hậu quả của việc không chứng minh.

Như đã phân tích ở trên, yêu cầu của bà L là buộc bà Lê Thị H1 và ông Nguyễn Vĩnh T cùng có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nợ hui là 160.600.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu sáu trăm ngàn đồng) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Thời hạn trả nợ: Bà L yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Bà Lê Thị H1 và ông Nguyễn Vĩnh T có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát khu vực 2 – Đồng Tháp là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: các điều 35, 39, 91, 92, 147, 235, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 468, 471, 288 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Kim L.

Buộc bà Lê Thị H1 và ông Nguyễn Vĩnh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trương Thị Kim L số tiền 160.600.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu sáu trăm ngàn đồng), ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

+ Bà Lê Thị H1 và ông Nguyễn Vĩnh T có nghĩa vụ liên đới nộp 8.030.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ H3 lại cho bà Trương Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.015.000 đồng theo biên lai thu số 0004281 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

“Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Kiều Oanh